BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3634 /BTNMT-KHTC V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của các Bộ, ngành	*Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2024*

Kính gửi: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Đa dạng sinh học 2008, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu, Thông tư số 06/2023/TT-BTNMT ngày 31/7/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là Bộ, ngành) như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023 VÀ NĂM 2024

I. Đánh giá tình hình quản lý môi trường theo thẩm quyền, chức năng của Bộ, ngành

1. Tình hình triển khai thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học và các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao theo các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành; lồng ghép nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển ngành, lĩnh vực; xây dựng, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; thông tin, truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường; phối hợp trong công tác quản lý môi trường; tổ chức bộ máy và năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Đánh giá tình hình triển khai, thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; đánh giá tình hình triển khai, thực hiện Chiến lược Bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, giải quyết kịp thời vấn đề nhập khẩu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa và Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn; Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí; Chỉ thị số 42/CT-TTg ngày 8/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, kiểm soát loài ngoại lai xâm hại; Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 17/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư tại Việt Nam...

3. Đánh giá tình hình triển khai các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

- Đánh giá tình hình triển khai Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đánh giá tình hình triển khai Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2021 phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 – 2025.

- Đánh giá tình hình triển khai Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Đánh giá tình hình triển khai Quyết định số 1176/QĐ-TTg ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn các loài rùa nguy cấp của Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Đánh giá tình hình triển khai tại các Quyết định khác của Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu.

4. Đánh giá tình hình triển khai các nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác của Bộ, ngành theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

II. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2023 và năm 2024

1. Tình hình thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2023 và ước thực hiện năm 2024: nêu cụ thể danh mục các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và kinh phí đã bố trí để thực hiện; đơn vị thực hiện và kết quả, sản phẩm của các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đã triển khai thực hiện (đặc biệt là các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, các quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ

thuật và các cơ chế chính sách, quy định về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đã ban hành); số kinh phí đã giải ngân đến ngày 31 tháng 5 năm 2024 (theo mẫu gửi kèm tại Phụ lục1). Dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2024.

2. Phân tích, đánh giá các mặt thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

III. Kiến nghị và đề xuất

Qua việc thực hiện kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2023 - 2024; trên cơ sở đánh giá, phân tích ở phần 1 và phần 2 nêu trên, kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong hoạt động quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các kiến nghị, đề xuất khác.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2025 - 2027 TỪ NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nội dung của kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường gồm ba phần: phần thứ nhất căn cứ đề xuất các nhiệm vụ; phần thứ hai về dự án, nhiệm vụ trọng điểm, cấp bách; phần thứ ba về các dự án, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng.

I. Cơ sở pháp lý đề xuất các dự án, nhiệm vụ năm 2025, giai đoạn 2025-2027

1. Căn cứ các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Đảng

- Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị khóa IX ban hành về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Nghị quyết 24-NQ/TW, ngày 3/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT;

- Kết luận số 56-KL/TW, ngày 23/8/2017 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT.

- Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để bảo vệ môi trường như: Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường; Khắc phục các khu vực môi trường đã bị ô nhiễm, suy thoái; Điều tra nắm chắc các nguồn tài nguyên thiên nhiên và có kế hoạch bảo vệ, khai thác hợp lý, bảo vệ đa dạng sinh học; Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tôn tạo cảnh quan môi trường; Đáp ứng yêu cầu về môi trường trong hội nhập kinh tế quốc tế; Thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, ban hành bộ chỉ số đánh giá kết quả phát triển kinh tế bền vững tăng trưởng xanh đưa vào bộ tiêu

chí quốc gia; Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường được thể hiện trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2. Căn cứ pháp lý:

a) Các Luật:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Luật Đa dạng sinh học năm 2008.

b) Căn cứ các Nghị định:

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

- Nghị định số 59/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/5/2017 về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen;

- Nghị định số 66/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/7/2019 về bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước.

c) Căn cứ các Thông tư:

- Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

3. Căn cứ các Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Về lĩnh vực chung:

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

- Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

b) Về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

- Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 2067/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Điều tra, kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050" và Quyết định số 410/QĐ-BTNMT ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành kế hoạch của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Quyết định số 2067/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Điều tra, kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050";

- Quyết định số 1975/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về Bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước giai đoạn 2021 – 2030;

- Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 17/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư tại Việt Nam;

- Chỉ thị số 42/CT-TTg ngày 08/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, kiểm soát loài ngoại lai xâm hại.

c) Về quản lý chất lượng môi trường:

- Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí;

- Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 2215/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia khắc phục hậu quả chất độc hóa học/dioxin sau chiến tranh ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

d) Về quản lý chất thải:

- Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam;

- Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa;

- Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 26/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong công trình xây dựng;

- Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn;

- Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động quốc gia về Quản lý rác thải nhựa đại dương;

- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về Quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

đ) Về vận hành cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số:

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030.

4. Các căn cứ khác

- Các quy hoạch, kế hoạch chuyên ngành của các lĩnh vực có liên quan đến công tác bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền ban hành;

- Các văn bản trả lời của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về chất vấn của Đại biểu Quốc hội; trả lời kiến nghị của cử tri;

- Các kế hoạch của của Bộ Tài nguyên và Môi trường nhằm triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ có liên quan đến công tác bảo vệ môi trường;

- Các nhiệm vụ cấp bách, cần thiết theo chỉ đạo của Quốc hội, Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các điều ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia liên quan về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên đã được cấp có thẩm quyền giao, phù hợp với chức năng nhiệm vụ đơn vị đề xuất (đối với các Bộ, ngành), đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

II. Tiêu chí, nguyên tắc xây dựng, xác định dự án, nhiệm vụ

1. Các dự án, nhiệm vụ chuyên môn đề xuất phải phù hợp với các nhiệm vụ chi nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 48 Luật Bảo vệ môi trường, các Điều từ 151 đến 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Dự án, nhiệm vụ chuyên môn đề xuất phải phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Bộ, Ngành, địa phương, có mục tiêu, nội dung và sản phẩm rõ ràng, có địa chỉ sử dụng cụ thể để phát huy hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; có sự phối hợp và kế thừa, phù hợp với nguồn nhân lực của đơn vị thực hiện; tránh trùng lặp gây lãng phí nguồn lực ngân sách nhà nước.

3. Dự án, nhiệm vụ đề xuất phù hợp với nội dung chi tại các văn bản hướng dẫn về tài chính, cụ thể là: Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí quản lý sự nghiệp bảo vệ môi trường; Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

III. Các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm năm 2025, giai đoạn 2025 - 2027

1. Tiếp tục triển khai trách nhiệm quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định chi tiết thi hành; các nghị quyết, chỉ thị, quy hoạch, kế hoạch, chiến lược về bảo vệ môi trường

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2020 theo Kế hoạch triển khai thi hành Luật BVMT đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12/3/2021.

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, bộ, ngành, uỷ ban nhân dân các cấp quy định trong Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định chi tiết thi hành, đặc biệt tại Điều từ 164 đến 168 Luật Bảo vệ môi trường 2020; Điều 160 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổ chức triển khai các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trong lĩnh vực môi trường, trong đó ưu tiên nguồn lực triển khai Quy hoạch BVMT thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học được thể hiện trong văn bản của Đảng và Nhà nước, chiến lược, chương trình hành động, kế hoạch thực hiện, nghị quyết, chỉ thị của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; các nhiệm vụ được Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định chi tiết thi hành, Luật Đa dạng sinh học và các văn bản quy định chi tiết thi hành; các dự án, nhiệm vụ chuyên môn để giải quyết các vấn đề nổi cộm, cấp bách của thực tiễn.

- Triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020; rà soát, xây dựng, ban hành các quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

- Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường hàng năm của các Bộ, ngành, địa phương; Triển khai việc thu thập, tổng hợp, tự đánh giá các chỉ số nhóm I của Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của địa phương.

- Xây dựng, tổng hợp báo cáo chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường thuộc trách nhiệm quản lý.

- Xây dựng, ban hành quy định khoảng cách an toàn về môi trường, lộ trình thực hiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng thuộc các trường hợp phải có khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định tại Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Về quản lý chất thải

- Tổ chức triển khai Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn.

- Đề xuất chính sách phát triển các mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, phục hồi và phát triển nguồn vốn tự nhiên, tăng cường tái chế, tái sử dụng phế liệu trong nước để hạn chế việc nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất;

- Xây dựng, hướng dẫn các mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị và nông thôn, phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay...

3. Về quản lý chất lượng môi trường

- Thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí và Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục rà soát các lộ trình áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đang lưu hành ở Việt Nam đã ban hành và đề xuất chỉnh sửa, thay thế (thực hiện trong giai đoạn 2022 - 2025).

- Xây dựng, triển khai Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với các sông, hồ liên tỉnh, nội tỉnh có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường; công bố kết quả đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với một số sông không còn khả năng chịu tải để làm căn cứ cho việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường.

- Xây dựng, triển khai Kế hoạch cải tạo phục hồi, xử lý ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng trên phạm vi cả nước theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Triển khai Kế hoạch hành động quốc gia khắc phục hậu quả chất độc hóa học/dioxin sau chiến tranh ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030 được phê duyệt tại Quyết định số 2215/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó tập trung thúc đẩy thực hiện công tác xử lý triệt để các điểm nóng và các khu vực bị ô nhiễm chất độc hóa học/dioxin sau chiến tranh ở Việt Nam.

4. Về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Tổ chức điều tra, thống kê, kiểm kê, đánh giá, phân loại đất ngập nước trên phạm vi toàn quốc; thực hiện chuyển đổi các khu bảo tồn có diện tích đất ngập nước lớn hơn 50% thành các khu bảo tồn đất ngập nước; ban hành danh mục các vùng đất ngập nước quan trọng trên phạm vi toàn quốc; xúc tiến thành lập các khu bảo tồn đất ngập nước mới; đồng thời tăng cường các chế độ quản lý, bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước đối với các vùng đất ngập nước quan trọng địa phương, quốc gia và quốc tế (khu Ramsar), các khu bảo tồn đất ngập nước.

5. Về Ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn kiểm

kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho các ngành, lĩnh vực phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; xây dựng các văn bản về quản lý tín chỉ các-bon và vận hành thị trường các-bon trong nước.

- Lập báo cáo ứng phó biến đổi khí hậu định kỳ hằng năm của các Bộ, ngành, địa phương và xây dựng Báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu định kỳ 5 năm theo quy định.

- Triển khai thực hiện lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư 06/2023/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch.

- Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, lĩnh vực, cơ sở theo quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Thỏa thuận Paris, các hướng dẫn của Ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu và Nghị định thư toàn cầu về khí nhà kính và các quy định pháp luật về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

- Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính. Thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực và cấp cơ sở đối với các lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính. Thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính theo quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.

- Xây dựng định mức phát thải khí nhà kính trên đơn vị sản phẩm đối với các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính; xác định tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo quy định.

- Xây dựng, cập nhật, vận hành và hướng dẫn khai thác, sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu; xây dựng phần mềm kiểm kê khí nhà kính trực tuyến để tiến tới xây dựng nền tảng Báo cáo khí nhà kính trực tuyến; tổ chức thực hiện hệ thống báo cáo giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trực tuyến.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch quốc gia quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát theo lộ trình thực hiện Nghị định thư Montreal và quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Xây dựng, hướng dẫn áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia liên quan đến các chất được kiểm soát; thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát.

- Nghiên cứu đề xuất xây dựng và tổ chức vận hành thí điểm sàn giao dịch các-bon; cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các bon trong các lĩnh vực tiềm năng và hướng dẫn thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế.

- Triển khai thực hiện đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro và tổn thất, thiệt hại do biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực, khu vực.

- Triển khai hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên, dựa vào cộng đồng và dựa vào hệ sinh thái; ứng phó với nước biển dâng và ngập lụt đô thị.

- Triển khai Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia; thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp ngành.

- Tuyên truyền phổ biến cho cộng đồng và doanh nghiệp thực hiện giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu thực hiện cam kết của Việt Nam tại COP26 và các điều ước, thỏa thuận quốc tế có liên quan.

6. Các nhiệm vụ khác

- Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát về công tác bảo vệ môi trường đối với các điểm nóng môi trường, các dự án, cơ sở sản xuất doanh dịch vụ có lưu lượng xả chất thải lớn và có loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường đầu tư các hoạt động quan trắc, kiểm soát chất lượng môi trường xung quanh để quản lý, đánh giá, cảnh báo dự báo các diễn biến và xu hướng ô nhiễm môi trường trong ngắn hạn và dài hạn để đề xuất giải pháp quản lý theo quy định; Tổ chức đánh giá và ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường nguồn lực cho công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường và đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa công tác tuyên truyền và thực hiện các biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường.

- Rà soát, triển khai các nội dung về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng.

Danh mục dự án đề xuất theo mẫu gửi kèm tại Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4 kèm theo.

IV. Yêu cầu

- Căn cứ các nhiệm vụ trọng tâm nêu trên và chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm được giao, các Bộ, ngành hướng dẫn cụ thể nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu cho các đơn vị trực thuộc.

- Kế hoạch và dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường là một bộ phận và được tổng hợp chung trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của các Bộ, ngành.

- Các dự án, nhiệm vụ chuyên môn, thường xuyên (bao gồm cả hoạt động quan trắc môi trường, hỗ trợ mua sắm các trang thiết bị thay thế, vật tư hóa chất để đảm bảo duy trì hoạt động quan trắc) phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung, dự toán chi tiết, thuyết minh đề cương gửi kèm, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và theo các biểu mẫu hướng dẫn ở các phụ lục kèm theo (báo cáo sử dụng

phông chữ Time New Roman, Phụ lục trên Excel).

- Sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường đúng mục đích, chi tiêu đúng chế độ và có hiệu quả; tuân thủ các thủ tục, quy định hiện hành.

V. Tiến độ xây dựng kế hoạch

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2024: các Bộ, ngành gửi văn bản đăng ký kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2025 theo mẫu Bảng tổng hợp và Thuyết minh đề cương dự toán nhiệm vụ, dự án tại các phụ lục kèm theo, Quyết định phê duyệt (nội dung, dự toán kinh phí) nhiệm vụ, dự án của cấp có thẩm quyền gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời gửi file điện tử công văn và phụ lục đính kèm vào địa chỉ email: vukhtc@monre.gov.vn.

- Từ ngày 02 tháng 7 đến ngày 20 tháng 7 năm 2024: Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức trao đổi về kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp môi trường năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027 với các Bộ, ngành. Lịch làm việc do Bộ Tài nguyên và Môi trường sắp xếp và thông báo cụ thể sau.

Mọi vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị liên hệ về Bộ Tài nguyên và Môi trường để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Lê Công Thành;
- Ủy ban KHCN&MT của Quốc hội;
- Vụ MT, Cục BĐKH;
- Lưu: VT, KHTC,BN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Trần Quý Kiên

Bộ, ngành:…… **Phụ lục 1**

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NĂM 2023 - 2024

(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm 2024 của)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ/ dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2023	Luỹ kế đến hết năm 2023	Dự toán năm 2024	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
A	**Nhiệm vụ chuyên môn**									
A1	Nhiệm vụ chuyển tiếp									
1	Nhóm nhiệm vụ Tăng cường kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại và phế liệu nhập khẩu;									
	……..									
2	Nhóm nhiệm vụ Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường									
	……..									

TT	Tên nhiệm vụ/ dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2023	Luỹ kế đến hết năm 2023	Dự toán năm 2024	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
3	Nhóm nhiệm vụ Khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; duy trì, cải thiện chất lượng môi trường									
	……									
4	Nhóm nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu về môi trường.									
	……..									
5	Nhóm nhiệm vụ Kiểm kê khí nhà kính, ứng phó biến đổi khí hậu									
	……									
6	Nhóm nhiệm vụ Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học									
	.....									
A2	Nhiệm vụ mở mới									
1	Nhóm nhiệm vụ Tăng cường kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải rắn,									

TT	Tên nhiệm vụ/ dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2023	Luỹ kế đến hết năm 2023	Dự toán năm 2024	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
	chất thải nguy hại và phế liệu nhập khẩu;									
	……..									
2	Nhóm nhiệm vụ Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường									
	……..									
3	Nhóm nhiệm vụ Khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; duy trì, cải thiện chất lượng môi trường									
	……									
4	Nhóm nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu về môi trường.									
	……..									
5	Nhóm nhiệm vụ Kiểm kê khí nhà kính, ứng phó biến đổi khí hậu									

TT	Tên nhiệm vụ/ dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2023	Luỹ kế đến hết năm 2023	Dự toán năm 2024	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
	……									
6	Nhóm nhiệm vụ Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học									
	.....									
B	**Nhiệm vụ thường xuyên**									
B1	Quan trắc									
	…….									
B2	Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường									
…										
B3	Các nhiệm vụ khác									
	……									

Bộ, ngành:……

Phụ lục 2

TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025, GIAI ĐOẠN 2025 - 2027

(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm 2024 của)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2023	Dự toán năm 2024	Kinh phí năm 2025	Kinh phí dự kiến năm 2026	Kinh phí dự kiến năm 2027	Ghi chú
A	**Nhiệm vụ chuyên môn**													
A 1	Nhiệm vụ chuyển tiếp													
1	Nhóm nhiệm vụ Tăng cường kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại và phế liệu nhập khẩu;													
	……..													
2	Nhóm nhiệm vụ Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường													

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2023	Dự toán năm 2024	Kinh phí năm 2025	Kinh phí dự kiến năm 2026	Kinh phí dự kiến năm 2027	Ghi chú
	……..													
3	Nhóm nhiệm vụ Khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; duy trì, cải thiện chất lượng môi trường													
	……													
4	Nhóm nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu về môi trường.													
	……..													
5	Nhóm nhiệm vụ Kiểm kê khí nhà kính, ứng phó biến đổi khí hậu													
	……													

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2023	Dự toán năm 2024	Kinh phí năm 2025	Kinh phí dự kiến năm 2026	Kinh phí dự kiến năm 2027	Ghi chú
6	Nhóm nhiệm vụ Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học													
	.....													
A 2	Nhiệm vụ mở mới													
1	Nhóm nhiệm vụ Tăng cường kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại và phế liệu nhập khẩu;													
	……..													
2	Nhóm nhiệm vụ Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường													
	……..													

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2023	Dự toán năm 2024	Kinh phí năm 2025	Kinh phí dự kiến năm 2026	Kinh phí dự kiến năm 2027	Ghi chú
3	Nhóm nhiệm vụ Khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; duy trì, cải thiện chất lượng môi trường													
	……													
4	Nhóm nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu về môi trường.													
	……..													
5	Nhóm nhiệm vụ Kiểm kê khí nhà kính, ứng phó biến đổi khí hậu													
	……													
6	Nhóm nhiệm vụ Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học													
	.....													

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2023	Dự toán năm 2024	Kinh phí năm 2025	Kinh phí dự kiến năm 2026	Kinh phí dự kiến năm 2027	Ghi chú
B	**Nhiệm vụ thường xuyên**													
B 1	Quan trắc													
	…….													
B 2	Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường													
…														
B 3	Các nhiệm vụ khác													
	……													
C	**Hỗ trợ xử lý điểm tồn lưu hoá chất bảo vệ thực vật ô nhiễm môi trường nghiêm trọng**													
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp													
…														
2	Nhiệm vụ mở mới													
...														

Bộ, ngành:……

Phụ lục 3

BIỂU KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm 2024 của)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện	Tổng mức kinh phí	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Lũy kế đến hết năm 2024	Dự toán năm 2025	Ghi chú
						Dự toán	Ước thực hiện			
A	**Nhiệm vụ chuyên môn**									
A1	Nhiệm vụ chuyển tiếp									
1	Nhóm nhiệm vụ Tăng cường kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại và phế liệu nhập khẩu;									
	……..									
2	Nhóm nhiệm vụ Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường									

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện	Tổng mức kinh phí	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Lũy kế đến hết năm 2024	Dự toán năm 2025	Ghi chú
						Dự toán	Ước thực hiện			
	……..									
3	Nhóm nhiệm vụ Khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; duy trì, cải thiện chất lượng môi trường									
	……									
4	Nhóm nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu về môi trường.									
	……..									
5	Nhóm nhiệm vụ Kiểm kê khí nhà kính, ứng phó biến đổi khí hậu									
	……									
6	Nhóm nhiệm vụ Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học									
	.....									

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện	Tổng mức kinh phí	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Lũy kế đến hết năm 2024	Dự toán năm 2025	Ghi chú
						Dự toán	Ước thực hiện			
A2	Nhiệm vụ mở mới									
1	Nhóm nhiệm vụ Tăng cường kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại và phế liệu nhập khẩu;									
	……..									
2	Nhóm nhiệm vụ Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường									
	……..									
3	Nhóm nhiệm vụ Khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; duy trì, cải thiện chất lượng môi trường									
	……									

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện	Tổng mức kinh phí	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Lũy kế đến hết năm 2024	Dự toán năm 2025	Ghi chú
						Dự toán	Ước thực hiện			
4	Nhóm nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu về môi trường.									
	……..									
5	Nhóm nhiệm vụ Kiểm kê khí nhà kính, ứng phó biến đổi khí hậu									
	……									
6	Nhóm nhiệm vụ Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học									
	.....									
B	**Nhiệm vụ thường xuyên**									
B1	Quan trắc									
	…….									
B2	Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường									

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện	Tổng mức kinh phí	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Lũy kế đến hết năm 2024	Dự toán năm 2025	Ghi chú
						Dự toán	Ước thực hiện			
…										
B3	Các nhiệm vụ khác									
	……									
C	**Hỗ trợ xử lý điểm tồn lưu hoá chất bảo vệ thực vật ô nhiễm môi trường nghiêm trọng**									
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp									
…										
2	Nhiệm vụ mở mới									
...										

Bộ, ngành:…….

Phụ lục 4

ĐỀ CƯƠNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tên nhiệm vụ, dự án, đề án:
2. Quản lý dự án:
    - Cơ quan quản lý:
    - Cơ quan chủ trì:
    - Cơ quan phối hợp:
3. Thời gian thực hiện
4. Kinh phí thực hiện
5. Các căn cứ pháp lý và sự cần thiết phải thực hiện dự án
6. Mục tiêu của dự án
7. Phạm vi, quy mô của dự án
8. Địa điểm thực hiện dự án
9. Phương pháp thực hiện dự án
10. Nội dung thực hiện dự án
11. Tiến độ thực hiện dự án
12. Kết quả sản phẩm, địa chỉ bàn giao sử dụng
13. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện dự án

Người phê duyệt
(Ký tên, đóng dấu)